

Bản án số: 26/2025/HS-PT
Ngày 28-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Thẩm phán: Ông Bùi Duy Thạch

Bà Ngô Thị Thuỳ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 189/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2024/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/HSPT-QĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Đồng Xuân C, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 133/2024/HS-ST ngày 15/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đồng Xuân C, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1971 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Số A đường Đ, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Xuân U' (đã chết) và bà Trần Thị S; có vợ Đào Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/7/2024 đến ngày 05/7/2024 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Xuân C: Ông Nguyễn Hồng T, ông Đoàn Viết N và ông Phạm Ngọc T1, Luật sư Công ty L1 và Đồng nghiệp - Đoàn Luật sư thành phố H; ông T và ông T1 có mặt, ông N vắng mặt;

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số D H, phường

T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Đồng Xuân C có mối quan hệ xã hội với anh Phạm Văn S1, sinh năm 1981; trú tại: Thôn D, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian quen nhau, C đã nhiều lần nói dối anh S1, C là cán bộ Công an công tác tại đơn vị Thanh tra Bộ C1 sau đó chuyển công tác về Cục H1 Bộ C1. Đến khoảng tháng 01 năm 2023, chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số D đường H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng (là bạn xã hội của anh S1) có nói chuyện với anh S1 về việc chị L có cháu là Nguyễn Khánh N1, sinh năm 2004; trú tại: Thôn I, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội là bị can trong vụ án Hình sự sơ thẩm “Gây rối trật tự công cộng”. Sau đó cháu N1 bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xét xử ngày 18/7/2023 với mức án 24 tháng tù giam. Ngày 21/7/2023, cháu Nguyễn Khánh N1 có đơn kháng cáo gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét lại hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm. Chị L có nói với anh S1 là cháu N1 muốn nhờ xin án treo. Anh S1 đã giới thiệu cho chị L làm việc với Đồng Xuân C, vì tin rằng C là Công an nên có nhiều mối quan hệ có khả năng giúp đỡ được cho cháu N1. Vào khoảng cuối tháng 7/2023, anh S1 dẫn chị L gặp anh C và vợ là chị Đào Thị H, sinh năm 1975, nơi cư trú: Số A đường Đ, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng tại nhà hàng T2 (đường H, quận L). Lúc này, C nói với chị L là quen biết với “*anh Đ là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*” và nhận lời giúp cho cháu chị L được hưởng án treo (thực chất C hoàn toàn không có mối quan hệ nào với Tòa án) và nói với chị L chuyển số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng làm kinh phí để lo cho cháu N1 hưởng án treo. Ngày 28/7/2023, C gọi cho chị L đề nghị chuyển số tiền trên để C lo việc, chị L đã chuyển số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng từ tài khoản 19026808447010 mang tên NGUYEN THI THUY LINH tại Ngân hàng T3 đến số tài khoản 220110000721100 mang tên DONG XUAN CHIEN tại ngân hàng B. Đến ngày 26/12/2023, cháu N1 vẫn bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm tuyên phạt 24 tháng tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Lúc này chị L mới biết đã bị C lừa đảo và liên lạc để đòi lại tiền từ C, nhưng C tìm lý do trốn tránh và hứa hẹn sẽ trả, nhưng sau đó C cũng không trả lại tiền cho chị L. Ngày 20/02/2024, chị L có đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K để giải quyết. Ngày 02/7/2024, bị can Đồng Xuân C đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đồng Xuân C và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho bị hại là chị L toàn bộ số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra Quyết định

xử lý vật chứng trả lại toàn bộ số tiền trên cho chị L; chị L đã nhận đủ tài sản đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2024/HS-ST ngày 15/10/2024 Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đồng Xuân C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Đồng Xuân C 07 (bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2024 đến ngày 05/7/2024.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đồng Xuân C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Đồng Xuân C cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới là: Đơn xin đính chính và bổ sung lời khai ngày 29/10/2024 thể hiện: Thời điểm bị cáo và bị hại gặp nhau để trao đổi việc lo cho cháu bị hại, khi ra về bị cáo đã cho bị hại vay 2.000.000 đồng để đổ xăng vì xe hết xăng và bị hại không mang theo ví. Sau đó, hai bên đã thỏa thuận trừ số tiền này vào số tiền 200.000.000 đồng bị hại đã chuyển cho bị cáo nên thực tế bị hại chỉ cầm của bị cáo số tiền 198.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Xuân C trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau: Đồng ý với tội danh và điều luật mà bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo C nhưng hình phạt 07 năm đối với bị cáo là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo C vì trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng giải quyết được vụ án. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Đồng Xuân C cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới thể hiện thực tế bị hại chỉ cầm của bị cáo số tiền 198.000.000 đồng. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 198.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX xem xét căn cứ quy định của pháp luật giảm hình phạt cho bị cáo xuống khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn tuy nhiên sau khi được vận động bị cáo đã ra trình báo nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự định khung mức hình phạt của bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng thủ tục nên đơn kháng cáo của bị cáo Đồng Xuân C là hợp pháp, được chấp nhận. Nội dung kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo mục

đích ban đầu là chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng từ đầu nên không có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Việc người bào chữa cho bị cáo trình bày sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn tuy nhiên sau khi được vận động bị cáo đã ra trình báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội tự thú*” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng, vì sau khi bị tố giác, trình báo thì việc bị cáo ra trình báo chỉ được coi là bị cáo ra đầu thú, không được coi là tình tiết giảm nhẹ mới.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đã tuyên là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Đồng Xuân C cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới tuy nhiên tài liệu này không đủ làm căn cứ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đồng Xuân C. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đồng Xuân C đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét kháng cáo của bị cáo:

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Vào ngày 28/7/2023, tại địa bàn quận K, thành phố Hải Phòng, Đồng Xuân C đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng thông tin cá nhân giả để tạo lòng tin nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Thùy L với số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Bị cáo là người có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực trách nhiệm. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Đồng Xuân C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã ra đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo. Ngoài ra, bị cáo từng có thời gian tham gia trong Quân đội và hiện nay là hội viên của Hội Cựu chiến binh phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; gia đình bị cáo được Chính Phủ tặng Bằng gia đình vẻ vang nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Tuy nhiên, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng thông tin cá nhân giả để tạo lòng tin thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền lớn. Bị cáo là người có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Đồng Xuân C cung cấp được thêm được tài liệu, chứng cứ mới là: Đơn xin đính chính và bổ sung lời khai ngày 29/10/2024 thể hiện Thời điểm bị cáo và bị hại gặp nhau để trao đổi việc lo cho cháu bị hại, khi ra về bị cáo đã cho bị hại vay 2.000.000 đồng để đỡ xăng. Sau đó, hai bên đã thỏa thuận trừ số tiền này vào số tiền 200.000.000 đồng bị hại đã chuyển cho bị cáo nên thực tế bị hại chỉ chiếm đoạt của bị cáo số tiền 198.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền bị hại đã chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo với số tiền là 200.000.000 đồng, tội phạm đã hoàn thành và là căn cứ định khung hình phạt. Đối với việc bị cáo đã trả lại 2.000.000 đồng được xác định là khắc phục hậu quả. Vì vậy, bị cáo cho rằng bị cáo chỉ chiếm đoạt của bị hại 198.000.000 đồng là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo ở mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tài liệu, chứng cứ mới bị cáo cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không đủ làm căn cứ để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đồng Xuân C; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2024/HS-ST ngày 15/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo C.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Đồng Xuân C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đồng Xuân C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đồng Xuân C; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2024/HS-ST ngày 15/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo Đồng Xuân C.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đồng Xuân C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Đồng Xuân C 07 (bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2024 đến ngày 05/7/2024.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đồng Xuân C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2024/HS-ST ngày 15/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THAHS CATP HP;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND quận Kiến An;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

Nguyễn Hồng Giang